

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36 /2017/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Chương trình việc làm tỉnh Tây Ninh**  
**giai đoạn 2017 – 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về việc làm;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, Khóa IX - Kỳ họp thứ 4 về Chương trình việc làm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2407/TTr-SLĐTBXH ngày 24 tháng 10 năm 2017;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2017.

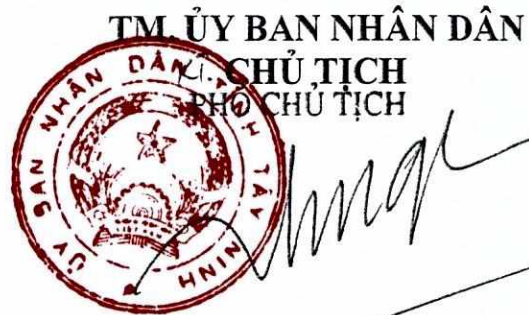
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- PCVP + KGVX;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh;

(QĐ CT Việc làm giải đoạn 2017-2020)Sang.

30



Nguyễn Thanh Ngọc

## CHƯƠNG TRÌNH

**Việc làm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017 – 2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2017/QĐ-UBND  
ngày 05/tháng 11 /năm 2017 của UBND tỉnh Tây Ninh)

### I. MỤC TIÊU, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

#### 1. Mục tiêu

##### a) Mục tiêu tổng quát

Khai thác tối đa mọi nguồn lực, tiềm năng, lợi thế để giải quyết việc làm cho người lao động; phát triển kinh tế-xã hội, phát triển thị trường lao động; khuyến khích tạo việc làm tại chỗ và đẩy mạnh xuất khẩu lao động, tránh lãng phí nguồn lực, giảm thiểu tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, tạo ra nhiều việc làm với thu nhập cao hơn bảo đảm và nâng cao cuộc sống của người dân, góp phần giảm nghèo bền vững;

##### b) Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2017 – 2020, giải quyết việc làm cho 68.000 lao động, trong đó hàng năm giải quyết việc làm cho hơn 17.000 lao động, cụ thể như sau:

+ Giải quyết việc làm từ chương trình phát triển kinh tế - xã hội: 14.750 lao động/năm.

+ Giải quyết việc làm thông qua chương trình vốn vay cho khoảng 2.100 lao động/năm.

+ Giải quyết việc làm từ đưa người lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng là 150 lao động/năm.

- Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo năm cuối giai đoạn đạt 70%.

#### 2. Phạm vi thực hiện

Thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

#### 3. Thời gian thực hiện

Bắt đầu từ năm 2017 đến hết năm 2020.

## II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Giải pháp tạo việc làm từ phát triển kinh tế-xã hội

a) Tạo điều kiện, tận dụng mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế-xã hội, ưu tiên đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm mà tỉnh có thế mạnh;

b) Tạo điều kiện lấp đầy các khu công nghiệp hiện có. Xây dựng chương trình, dự án cụ thể phát huy tiềm năng, lợi thế trên từng lĩnh vực, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến; phát triển hợp lý một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động; quan tâm hỗ trợ thanh niên lập nghiệp và khởi sự doanh nghiệp;

c) Tăng cường hoạt động khuyến công, hỗ trợ doanh nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống,... để giải quyết việc làm phi nông nghiệp cho người lao động ở nông thôn;

d) Thực hiện đề án tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới góp phần tạo thêm nhiều việc làm mới cho lao động trong nông nghiệp, nông thôn;

đ) Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các loại hình dịch vụ, mở rộng thị trường xuất khẩu. Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng các cửa khẩu, hệ thống chợ đường biên để thúc đẩy hoạt động thương mại – dịch vụ sang thị trường ASEAN;

e) Thực hiện tốt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2011-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 20/9/2011, Quy hoạch điều chỉnh mạng lưới dạy nghề tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2008-2010 và định hướng đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 55/2008/QĐ-UBND ngày 07/7/2008;

g) Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người lao động có điều kiện tham gia học nghề (trong đó ưu tiên các đối tượng: người khuyết tật, người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người thuộc gia đình bị thu hồi đất canh tác, lao động nông thôn thuộc diện hộ cận nghèo, lao động nông thôn khác) để khuyến khích họ tích cực tham gia học nghề phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và để họ đủ khả năng tự tìm việc và tự tạo việc làm, ổn định cuộc sống.

### 2. Tạo việc làm từ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp xuất khẩu lao động hoạt động tốt, có kinh nghiệm và uy tín để tuyển lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

b) Chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền về các điều kiện, tiêu chuẩn khi tham gia thị trường lao động ngoài nước giúp người lao động và gia đình nhận thức rõ trách nhiệm và thực hiện tốt cam kết, hợp đồng xuất khẩu lao động, không tự ý phá vỡ hợp đồng, cư trú bất hợp pháp tại nước sở tại. Phối hợp chặt chẽ với các

ngành chức năng kịp thời ngăn chặn các doanh nghiệp và đối tượng lợi dụng việc xuất khẩu lao động để lừa đảo;

c) Thường xuyên chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động, phối hợp giáo dục, quản lý lao động để khắc phục tình trạng lao động bỏ trốn, vi phạm pháp luật của nước sở tại;

d) Đào tạo nghề, đào tạo theo hợp đồng bám sát dự báo nhu cầu của thị trường lao động về ngành nghề, trình độ cần đào tạo, tiến tới thực hiện xuất khẩu lao động kỹ thuật, có tay nghề sang thị trường lao động có thu nhập cao;

đ) Hướng dẫn người lao động có nhu cầu vay vốn, cải tiến các thủ tục cho vay vốn nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động; tăng cường chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động xuất khẩu lao động.

### **3. Nâng cao hiệu quả dạy nghề và giới thiệu việc làm**

a) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động:

Tập trung đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện xã hội hóa đào tạo nghề, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm. Khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, khả năng tự tạo, tự tìm việc làm của người lao động; ưu tiên hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn nhất là lao động thuộc dân tộc thiểu số, hộ nghèo, người khuyết tật hoặc thuộc hộ có đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi, thân nhân người có công với cách mạng.

Khai thác, sử dụng có hiệu quả các cơ sở dạy nghề hiện có, xây dựng các chương trình dạy nghề phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành nghề phi nông nghiệp, các nghề theo yêu cầu của thị trường.

Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức đào tạo các ngành nghề phù hợp cho người lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng cho các doanh nghiệp, các khu công nghiệp. Thực hiện tốt các chính sách tín dụng ưu đãi đối với các đơn vị, doanh nghiệp có hoạt động dạy nghề, tuyển lao động vào dạy nghề và bố trí việc làm tại doanh nghiệp;

b) Tăng cường công tác tư vấn giới thiệu việc làm:

Đa dạng hóa các hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, chú trọng các đối tượng học sinh các trường trung học phổ thông, đối tượng thanh niên. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Mở rộng các kênh giao dịch trên thị trường lao động thông qua các hệ thống thông tin, quảng cáo, trang tin việc làm trên các báo, đài và tổ chức các sàn giao dịch việc làm để tạo điều kiện cho các quan hệ giao dịch trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động ký kết các hợp đồng lao động đúng quy định của pháp luật.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về việc làm, dạy nghề, học nghề và thị trường lao động.

#### **4. Thị trường lao động và thông tin thị trường lao động**

a) Từng bước phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động trong tỉnh đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời những diễn biến của thị trường lao động; đẩy mạnh công tác thu thập thông tin thị trường lao động trong tỉnh có kết nối với các tỉnh khác đặc biệt là khu vực Đông Nam Bộ, các khu công nghiệp tập trung, các công ty có chức năng xuất khẩu lao động để giới thiệu việc làm cho người lao động trong tỉnh;

b) Tăng cường quản lý biến động lao động trong các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh tế một cách có hiệu quả, nâng cao trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo thống kê tình hình tăng, giảm lao động theo định kỳ của doanh nghiệp, thống kê tình hình thu hút lao động của tất cả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của các tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh; chế độ báo cáo việc làm tăng thêm của các địa phương nhằm kiểm tra chặt chẽ tình hình lao động, việc làm.

#### **5. Công tác tuyên truyền, tăng cường và nâng cao chất lượng, năng lực quản lý nhà nước về công tác lao động việc làm**

a) Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ chương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về giải quyết việc làm và chương trình giải quyết việc làm của tỉnh bằng nhiều hình thức phù hợp như: Phát tờ rơi, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức của người lao động và người sử dụng lao động về giải quyết việc làm, tích cực tham gia vào chương trình giải quyết việc làm của tỉnh, chủ động tạo thêm việc làm, tự tạo việc làm cho bản thân và thu hút lao động vào làm việc;

b) Tập trung nâng cao năng lực quản lý lao động, việc làm và kỹ năng tư vấn, giới thiệu việc làm của đội ngũ công chức, viên chức làm công tác giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động nhằm chuẩn hoá và phổ biến kiến thức, kỹ năng quản lý lao động, kỹ năng điều hành triển khai các chương trình, kế hoạch về việc làm;

c) Tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và xử lý sai phạm trong lĩnh vực giới thiệu việc làm, lĩnh vực xuất khẩu lao động.

### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Hỗ trợ tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn vốn từ ngân sách tỉnh**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ tạo việc làm cho 8.400 lao động trong giai đoạn 2017-2020, chiếm 15,2% tổng số lao động được giải quyết việc làm;

b) Đối tượng vay, mức vay, thời hạn vay và lãi suất vay vốn

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh mức vay 01 dự án tối đa 01 tỷ đồng và không quá 50 triệu đồng cho 01 lao động được tạo việc làm với thời hạn vay vốn không quá 60 tháng; người lao động với mức vay tối đa

50 đồng. Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số tại Điểm a Khoản 2 Điều 12 Luật Việc làm. Mức vay 01 dự án tối đa là 01 tỷ đồng và không quá 50 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm với thời hạn vay không quá 60 tháng; Người dân tộc thiểu số, người khuyết tật với mức vay tối đa là 50 triệu đồng. Lãi suất vay vốn bằng 50% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định;

c) Điều kiện đảm bảo tiền vay

Đối với mức vay trên 50 triệu đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn vốn ngân sách tỉnh, cơ sở sản xuất kinh doanh phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

## **2. Hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

a) Mục tiêu: Đưa khoảng 600 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; hỗ trợ đào tạo về kỹ năng nghề, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của nước tiếp nhận lao động, hỗ trợ chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực;

b) Đối tượng: Người dân tộc thiểu số; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật; Thân nhân của người có công với cách mạng; Người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

c) Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết

Đào tạo nghề theo chi phí thực tế, tối đa theo mức quy định tại Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; đào tạo ngoại ngữ theo mức cụ thể của từng khóa học và thời gian học thực tế, tối đa 3 triệu đồng/người/khóa học; bồi dưỡng kiến thức cần thiết theo chi phí thực tế, tối đa 530.000 đồng/người/khóa học; tiền ăn trong thời gian đào tạo mức 40.000 đồng/người/ngày; chi phí đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi cư trú hợp pháp đến địa điểm đào tạo, mức 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên, mức 300.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 10 km trở lên;

d) Hỗ trợ làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài

Lệ phí làm hộ chiếu theo quy định tại Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.

Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp theo mức quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp; lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động; chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người;

đ) Hỗ trợ giải quyết rủi ro trong thời gian làm việc ở nước ngoài

Người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài gặp rủi ro được hỗ trợ giải quyết rủi ro theo mức quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Quyết định số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước và các văn bản hướng dẫn;

e) Hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề

Người lao động tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề theo yêu cầu của hợp đồng cung ứng giữa doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài được hỗ trợ một phần chi phí bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề, đào tạo ngoại ngữ, mức hỗ trợ bằng 70% chi phí đào tạo của từng khóa học của cơ sở đào tạo nhưng không quá mức hỗ trợ quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016; người lao động tham gia các chương trình đào tạo trình độ cao theo thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và nước tiếp nhận lao động được hỗ trợ chi phí đào tạo theo thỏa thuận giữa hai Chính phủ.

### **3. Phát triển thị trường lao động**

a) Mục tiêu: Từng bước nâng cao tỷ lệ lao động tìm được việc làm qua hệ thống Trung tâm Dịch vụ việc làm; đưa hoạt động sản giao dịch việc làm trở thành hoạt động thường xuyên của Trung tâm Dịch vụ Việc làm tỉnh; hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động, cơ sở dữ liệu về thị trường lao động;

b) Nhiệm vụ chủ yếu:

Nâng cao năng lực hoạt động Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh: đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, học nghề và các dịch vụ cung ứng, giới thiệu việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm. Bình quân mỗi năm tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước cho 15.000 lượt người, tạo nguồn, cung ứng XKLD 150 người/năm; đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nâng cấp trụ sở làm việc, các hạng mục khác (lớp học, bãi tập lái xe, hạ tầng kỹ thuật) để nâng cao năng lực hoạt động.

Điều tra, ghi chép, cập nhật thông tin Cung, Cầu lao động theo quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động.

Tổ chức Sàn giao dịch việc làm thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm cho khoảng 1.500 lượt lao động/năm, trong đó có khoảng 700 - 800 lao động tìm được việc làm, bao gồm: người lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm, người lao động ở nông thôn có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp việc làm, các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các nội dung: Triển khai các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho người lao động tìm việc và người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, đặc biệt là đối tượng thanh niên có nhu cầu tìm kiếm việc làm, người lao động bị mất việc làm nhanh chóng trở lại thị trường lao động, hỗ trợ người lao động ở nông thôn tham gia chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm; tiếp nhận đăng ký tìm việc làm, đăng ký tuyển dụng, đăng ký tham gia XKLD, đăng ký học nghề của người lao động và người sử dụng lao động, các cơ sở dạy nghề; vận động các doanh nghiệp, người lao động đăng ký tuyển dụng và tìm việc làm trực tiếp tại sàn giao dịch việc làm; cung cấp thông tin tuyển dụng lao động, thông tin thị trường lao động, tuyên truyền các chế độ, chính sách về lĩnh vực lao động việc làm, tiền lương, tiền công, đào tạo nghề và XKLD, tổ chức hoạt động sơ tuyển, phỏng vấn, tuyển dụng lao động giữa các doanh nghiệp và người lao động.

#### **4. Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực nghiệp vụ về việc làm cho 1.600 lượt cán bộ. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm về chủ trương, chính sách, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với công tác giải quyết việc làm. Kiểm soát diễn biến tình hình việc làm, thất nghiệp;

b) Đối tượng: Công chức ngành Lao động – Thương binh và Xã hội từ cấp huyện, thành phố đến cấp xã, phường, thị trấn; cơ quan quản lý các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp, chủ sử dụng lao động và người lao động;

c) Nội dung thực hiện:

Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác việc làm.

Thông qua các hình thức như hội nghị, hội thảo; in ấn, phát hành tài liệu, ấn phẩm, tin bài tuyên truyền về các chủ trương, chính sách pháp luật về lao động, việc làm, XKLD để các cấp, các ngành, các cơ quan, doanh nghiệp, chủ sử dụng lao động, người lao động nắm bắt thông tin và thực hiện.

Triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện các hoạt động thuộc chương trình giải quyết việc làm ở 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) theo định kỳ 6 tháng, năm và đánh giá tổng kết Chương trình vào năm 2020.

#### **IV. NGUỒN TÀI CHÍNH THỰC HIỆN**

Huy động từ nhiều nguồn vốn bao gồm: Các nguồn đầu tư phát triển, vốn từ các dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, vốn hỗ trợ, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Tổng nguồn vốn dự kiến để thực hiện Chương trình: 165,741 tỷ đồng. Trong đó:

1. Vốn vay hỗ trợ giải quyết việc làm: 157,741 tỷ đồng

Nguồn vốn thu hồi cho vay lại từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm giai đoạn 2013-2015 chuyển sang: 98,020 tỷ đồng (trong đó, vốn Trung ương 63,344 tỷ đồng, vốn địa phương 34,676 tỷ đồng).

Nguồn vốn cần bổ sung từ ngân sách của tỉnh: 59,721 tỷ đồng (bình quân 14,930 tỷ đồng/năm).

2. Vốn sự nghiệp: 08 tỷ đồng (từ nguồn ngân sách địa phương)

a) Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 03 tỷ đồng (bình quân 750 triệu đồng/năm);

b) Thu thập thông tin thị trường lao động: 3,2 tỷ đồng (bình quân 800 triệu đồng/năm);

c) Nâng cao năng lực, truyền thông, kiểm tra, giám sát: 1,2 tỷ đồng (bình quân 300 triệu đồng/năm);

d) Hỗ trợ phát triển thị trường lao động (tổ chức các sàn giao dịch việc làm): 0,6 tỷ đồng (bình quân 150 triệu đồng/năm).

*(chi tiết từng năm có phụ lục kèm theo)*

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Chương trình việc làm giai đoạn 2017- 2020 của tỉnh;

b) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh) xây dựng kế hoạch bổ sung kinh phí hàng năm vốn địa phương cho vay giải quyết việc làm và lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình giải quyết việc làm hàng năm đảm bảo mục tiêu đã được phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các huyện, thành phố, các hội đoàn thể triển khai các giải pháp thực hiện Chương trình. Hướng dẫn, tổ chức điều tra, cập nhật và nhập cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động, quản lý, khai thác có hiệu quả hệ thống thông tin thị trường lao động;

d) Chủ động phối hợp với các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động để có biện pháp, cơ chế, chính sách thu hút lao động có nhu cầu đi xuất khẩu lao động;

e) Lập kế hoạch tổ chức thực hiện và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình đồng thời chủ động phối hợp với các ngành có liên quan tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định.

### **2. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất UBND Tỉnh bố trí nguồn vốn cho Quỹ quốc gia giải quyết việc làm tỉnh hàng năm;

b) Trên cơ sở lập dự toán của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí thực hiện hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động theo quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/7/2015.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Hàng năm phối hợp với Sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác cho vay giải quyết việc làm của tỉnh để thực hiện Chương trình;

b) Thẩm định, tham mưu trình UBND Tỉnh các cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư, cấp phép các dự án đầu tư liên quan đến thực hiện Chương trình.

### **4. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**

a) Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý nghiên cứu thị trường, đầu tư đổi mới trang thiết bị, đổi mới công nghệ, định hướng đúng hoạt động của doanh nghiệp, mở rộng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa các sản phẩm, tạo thêm nhiều việc làm mới, nâng cao năng suất lao động và tăng thu nhập cho người lao động;

b) Khuyến khích các doanh nghiệp tạo việc làm và ưu tiên tuyển dụng lao động của tỉnh, đặc biệt chú trọng công tác ổn định việc làm, nâng cao tay nghề đáp ứng yêu cầu của giai đoạn sắp tới;

c) Có trách nhiệm hướng dẫn, khuyến khích các doanh nghiệp trong phạm vi quản lý có sự liên kết với các trung tâm dạy nghề của tỉnh trong việc đào tạo nghề và sử dụng lao động được đào tạo nghề.

### **5. Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh**

Thực hiện tốt việc tiếp nhận, thẩm định, giải ngân, thu hồi, xử lý nguồn vốn vay giải quyết việc làm theo đúng quy định và thẩm quyền. Ưu tiên hỗ trợ giải quyết cho vay đối với các doanh nghiệp, trang trại, làng nghề, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh; lao động là người hộ nghèo, hộ cận nghèo, khuyết tật, hộ dân tộc thiểu số, hộ bị thu hồi đất có nhu cầu vay vốn tự tạo việc làm, người có nhu cầu học nghề và xuất khẩu lao động.

### **6. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng công tác thông tin, tuyên truyền trên báo chí trong tỉnh về các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giải quyết việc làm, về tình hình giải quyết việc làm, dạy nghề và xuất khẩu lao động;

b) Chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến người dân xã, phường, thị trấn qua đó giúp người dân nắm được các chính sách hỗ trợ và giải quyết việc làm của Trung ương nói chung và của tỉnh Tây Ninh.

## **7. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tây Ninh**

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giải quyết việc làm, về tình hình giải quyết việc làm, dạy nghề và xuất khẩu lao động; tổ chức tuyên truyền, đưa tin bài, ảnh; nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình mới, cách làm hay hiệu quả góp phần tổ chức triển khai thực hiện tốt Chương trình.

**8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội, các hội, đoàn thể: Liên đoàn Lao động, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân; Hội Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên**

a) Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về học nghề, giải quyết việc làm;

b) Tham gia quản lý, kiểm tra, giám sát để Chương trình được thực hiện dân chủ, công khai và đạt hiệu quả.

## **9. UBND các huyện, thành phố**

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giải quyết việc làm và kế hoạch vay vốn Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm hàng năm của huyện, thành phố phù hợp với mục tiêu, kế hoạch Chương trình việc làm của tỉnh giai đoạn 2017 – 2020. Lồng ghép, kết hợp Chương trình việc làm với các chương trình kinh tế- xã hội trên địa bàn, làm tăng hiệu quả, tính thiết thực của Chương trình;

b) Chỉ đạo các phòng, ban liên quan, UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lao động trên địa bàn (bao gồm thống kê lao động việc làm, phát triển nguồn nhân lực, quản lý lao động việc làm, tiền lương, tiền công, an toàn vệ sinh lao động, thanh kiểm tra thực hiện pháp luật lao động...). Chủ động phối hợp với các ngành liên quan tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về lao động, việc làm cũng như giải quyết những vấn đề bức xúc về việc làm, tranh chấp lao động;

c) Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của nhà nước và của tỉnh về lao động làm việc ngoài nước để người lao động hiểu và tham gia làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tạo điều kiện giải quyết các thủ tục hành chính kịp thời, nhanh chóng cho người đi làm việc ở nước ngoài, đồng thời phối hợp với các doanh nghiệp làm tốt công tác tuyển chọn lao động tại các huyện, thành phố.

**10. Các Trung tâm Dịch vụ việc làm, trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, các trung tâm giáo dục thường xuyên**

a) Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh là đầu mối thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, chủ động lựa chọn địa điểm hợp lý, tổ chức nhiều phiên giao dịch việc làm;

b) Trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, các Trung tâm Dịch vụ Việc làm cung cấp đầy đủ thông tin về nhu cầu, ngành nghề đào tạo cho học sinh, sinh viên mới tốt nghiệp cũng như nhu cầu tìm việc làm. Chủ động phối hợp với các ngành, địa phương, doanh nghiệp tổ chức đào tạo theo nhu cầu, hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.

### **11. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát**

a) Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình việc làm, tình hình lao động thất nghiệp trong lĩnh vực và trên địa bàn; chủ động tháo gỡ và kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động- Thương binh và Xã hội). Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình sáu tháng (ngày 15 tháng 6), cả năm (ngày 15 tháng 12) và đột xuất khi có yêu cầu;

b) Sở Lao động- Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sáu tháng (ngày 25 tháng 6), cả năm (ngày 25 tháng 12).

### **12. Quy định chuyển tiếp**

Trường hợp các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Chương trình này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, UBND huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình này. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KI. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Ngọc



**Phụ lục**  
**BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH VIỆC LÀM**  
**TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN 2017-2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017)

**ĐVT: 1.000 đồng**

TT	Nội dung	Kinh phí	2017	2018	2019	2020
1	<b>Nguồn vốn thu hồi cho vay lại từ nguồn Quỹ quốc gia về việc làm</b>	98.020.000	27.285.000	27.188.000	26.591.000	27.215.000
2	<b>Vốn địa phương</b>	<b>67.721.000</b>	<b>16.715.000</b>	<b>16.812.000</b>	<b>17.409.000</b>	<b>16.785.000</b>
2.1	Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách tỉnh cho vay giải quyết việc làm ủy thác qua NHCSXH tỉnh	59.721.000	14.715.000	14.812.000	15.409.000	14.785.000
2.2	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	3.000.000	750.000	750.000	750.000	750.000
2.3	Thu thập thông tin thị trường lao động và việc làm	3.200.000	800.000	800.000	800.000	800.000
2.4	Nâng cao năng lực, truyền thông, kiểm tra, giám sát	1.200.000	300.000	300.000	300.000	300.000
2.5	Hỗ trợ phát triển thị trường lao động	600.000	150.000	150.000	150.000	150.000
<b>Tổng cộng (1+2)</b>		<b>165.741.000</b>				

